

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỜNG XUÂN

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa : Bà **Nguyễn Thị An**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Lê Văn Bình**

Ông **Lương Xuân Khánh**

Th- ký ghi biên bản phiên tòa:

Ông: **Trần Đình Tú** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thờng Xuân, tỉnh Thanh Hoá.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thờng Xuân tham gia phiên tòa:

Bà: **Hà Thị Hồng Tú** - Kiểm sát viên

Ngày 13 tháng 03 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thờng Xuân, tỉnh Thanh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 01/2018/HSST ngày 19/01/2018 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2018/HSST-QĐ ngày 27/02/2018 đối với:

- Các bị cáo:

1. **Lê Hữu G** - Sinh năm 1979;

Nơi ĐKKHKT: Thôn 2, xã TT, huyện TX, tỉnh TH.

Chỗ ở hiện nay: Thôn TL, Thôn 2, xã TT, huyện TX, tỉnh TH.

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá: 1/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Hữu C (đã chết) và bà Dương Thị H (đã chết) có vợ: Trương Thị L và 04 con;

Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 24/10/2017 đến ngày 02/11/2017 được tại ngoại. Hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt tại phiên tòa.

2. **Nguyễn Anh H** - Sinh năm 1995;

Nơi cư trú: Thôn TL, Thôn 2, xã TT, huyện TX, tỉnh TH.

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn V và bà Nguyễn Thị D; Vợ con chưa có.

Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 24/10/2017 đến ngày 02/11/2017 được tại ngoại. Hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt tại phiên tòa.

3. **Vi Văn An** - Sinh năm 1970;

Nơi cư trú: Thôn CT, xã LT, huyện TX, tỉnh TH.

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá: 2/10; Dân tộc: Thái; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Vi Văn L (đã chết) và bà Lò Thị C (đã chết) có vợ: Lương Thị N và 02 con;

Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam: Không. Bị cáo hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt tại phiên tòa.

4. Vi Văn L - Sinh năm 1965;

Nơi cư trú: Thôn CT, xã LT, huyện TX, tỉnh TH..

Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ văn hoá: 4/10; Dân tộc: Thái; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Vi Văn H (đã chết) và bà Lương Thị H có vợ: Lương Thị P và 02 con;

Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 24/10/2017 đến ngày 02/11/2017 được tại ngoại. Hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt tại phiên tòa.

5. Lương Văn S - Sinh năm 1968;

Nơi cư trú: Thôn CT, xã LT, huyện TX, tỉnh TH.

Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ văn hoá: 1/10; Dân tộc: Thái; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Lương Văn H và bà Vi Thị M có vợ: Lê Thị H và 03 con;

Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 24/10/2017 đến ngày 02/11/2017 được tại ngoại. Hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt tại phiên tòa.

6. Nguyễn Thị T - Sinh năm 1987;

Nơi cư trú: Thôn TH 2, xã LT, huyện TX, tỉnh TH.

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá: 3/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Tài M và bà Lê Thị H; Có chồng là Ngân Văn T (đã ly hôn) và 03 con;

Tiền án: Tháng 5/2017 bị xử phạt 09 tháng cải tạo không giam giữ về tội “Đánh bạc” theo bản án hình sự số 26/2017/HSST ngày 8/5/2017 của Tòa án nhân dân huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hoá; Tiền sự: Không. Bị cáo hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt tại phiên tòa.

7. Nguyễn Văn D - Sinh năm 1990;

Nơi cư trú: Thôn TL, Thôn 2, xã TT, huyện TX, tỉnh TH.

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá: 8/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Thiên chúa giáo; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn X (đã chết) và bà Nguyễn Thị T (đã chết) có vợ: Lê Thị N và 01 con;

Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 24/10/2017 đến ngày 02/11/2017 được tại ngoại. Hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt tại phiên tòa.

8. Nguyễn Văn T - Sinh năm 1989;

Nơi cư trú: Thôn TL, Thôn 2, xã TT, huyện TX, tỉnh TH.

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá: 8/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn H và bà Lê Thị T có vợ: Nguyễn Thị H và 01 con;

Tiền án, tiền sự: Không; Tạm giữ, tạm giam: Không; Bị cáo hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt tại phiên tòa.

+ Người làm chứng:

1. Đào Thị T - sinh năm 1976
 2. Lê Thị T - sinh năm 1963
 3. Nguyễn Thị H - sinh năm 1996
- Những người làm chứng đều có mặt tại phiên toà.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 21 giờ 30 phút, ngày 24/10/2017 Công an huyện Thường Xuân bắt quả tang tại nhà Nguyễn Văn T, trú tại Thôn TL, Thôn 2, xã TT, huyện TX, tỉnh TH các đối tượng gồm Lê Hữu G; Nguyễn Văn D; Nguyễn Anh H; Nguyễn Thị T; Lương Văn S; Vi Văn L đang đánh bài ăn tiền bằng hình thức “xóc đĩa”. Thu giữ tại chiếu bạc là 13.910.000đ, 8 chiếc điện thoại, 1 xe máy, 01 bát sứ màu trắng; 01 đĩa tròn màu trắng; 04 quân vị hình tròn cắt từ vỏ thuốc lá Thăng Long; 01 chiếc chiếu nhựa; 01 chiếc kéo kim loại; Thu trên người Nguyễn Anh H 500.000đ, trên người Nguyễn Thị T 20.000đ.

Trong khi bắt quả tang, Vi Văn An đã bỏ trốn, đến ngày 10/11/2017 An đã đến cơ quan cảnh sát điều tra đầu thú khai nhận toàn bộ hành vi đánh bạc của mình, đồng thời tự nguyện giao nộp số tiền 200.000đ mà bị cáo đã cầm bỏ chạy khi bị bắt quả tang.

Quá trình điều tra các đối tượng đã khai nhận như sau: Khoảng 20 giờ ngày 24/10/2017 Lương Văn S, Vi Văn L, Vi Văn A, Nguyễn Thị T đến nhà Lê Hữu G chơi, trong lúc ngồi uống nước thì L rủ chơi đánh bạc, tất cả đều đồng ý, Lê Hữu G gọi điện thoại cho Nguyễn Văn T rủ chơi đánh bạc, nhưng T nói đang ở thành phố và nói với G “vô nhà em mà đánh rồi chờ em, để cho em một chân”. Lê Hữu G dẫn cả nhóm xuống nhà Nguyễn Văn T, trên đường xuống Nguyễn Anh H nhìn thấy nên đi cùng, đến nơi không thấy có ai ở nhà nên G gọi lại cho Nguyễn Văn T nói là “không có ai ở nhà”, T bảo “cứ vào nhà mà chơi, không việc gì đâu”. Lê Hữu G cùng các đối tượng đẩy cửa vào buồng ngủ của vợ chồng Nguyễn Văn T. Khi vào được phòng Vi Văn A là người chài chiếu còn Lê Hữu G là người đi lấy bát đĩa, cắt con xóc và cầm cái. Bắt đầu chơi gồm Lê Hữu G, Vi Văn A, Vi Văn L, Lương Văn S, Nguyễn Thị T, Nguyễn Anh H, các đối tượng thống nhất chơi bạc bằng hình thức chơi “xóc đĩa”, với mức đặt cửa từ 50.000đ đến 500.000đ, chơi được 15 phút thì có Đào Thị T, sinh năm 1976, trú tại thôn TL, xã TT vào ngồi cạnh Vi Văn L xem đánh bạc khoảng 10 phút thì về. Sau khi Đào Thị T về có Nguyễn Văn D đến và ngồi tham gia chơi bạc cùng các đối tượng. Đến khoảng 21 giờ bà Lê Thị T, sinh năm 1963 là mẹ của Nguyễn Văn T và chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1996 là vợ của Nguyễn Văn T đi làm về thấy trong nhà có người đánh bạc nên đã gọi điện và hỏi T là tại sao có người đánh bạc trong nhà, Nguyễn Văn T nói “Các anh ấy gọi điện xin đánh lũng tí, tí là thôi thôi”, khoảng 10 phút sau Nguyễn Văn T về nhà thấy vẫn còn đang đánh bạc trong buồng ngủ của mình, T không vào và cũng không yêu cầu nghỉ mà đi mua mì tôm về ăn. Các bị cáo đánh bạc đến 21 giờ 30 phút cùng ngày thì bị Công an huyện Thường Xuân bắt quả tang. Quá trình điều tra các bị cáo thừa nhận số tiền của từng cá nhân dùng vào việc đánh bạc là: Lê Hữu G có trên 6.000.000đ (VNĐ); Vi Văn A có 800.000(VNĐ) Vi Văn L có 500.000(VNĐ) sau khi đánh thua vay thêm của Lương Văn

S 1.000.000(VNĐ); Lương Văn S có trên 2.000.000(VNĐ); Nguyễn Thị T có 120.000(VNĐ); Nguyễn Anh H có 500.000(VNĐ); Nguyễn Văn D có 600.000(VNĐ).

Trong vụ án này Nguyễn Văn T không tham gia đánh bạc nhưng cho các bị cáo mượn nhà ở của mình làm địa điểm để đánh bạc, nên cũng bị xử lý về đồng phạm trong tội đánh bạc với vai trò là người giúp sức.

Đào Thị T cũng có mặt nhưng trong quá trình điều tra chưa đủ chứng cứ xác định Đào Thị T tham gia đánh bạc, do đó cơ quan điều tra tiếp tục điều tra xử lý khi đủ chứng cứ.

Tại bản cáo trạng số 01/CT- VKSTX ngày 17/01/2018 Viện kiểm sát nhân dân huyện Th- ờng Xuân đã truy tố Lê Hữu G, Nguyễn Anh H, Lương Văn S, Vi Văn L, Nguyễn Văn D, Nguyễn Thị T, Vi Văn A, Nguyễn Văn T về tội: “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 248 Bộ luật hình sự.

Tại phiên toà đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Th- ờng Xuân duy trì công tố vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố đối với các bị cáo về tội “Đánh bạc” và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng pháp luật đối với các bị cáo như sau: Áp dụng khoản 1 Điều 248; các điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999 đối với tất cả các bị cáo; điểm h khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999 đối với các bị cáo G, H, A, L, S, D, T; khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999 đối với Vi Văn A và điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự năm 1999 đối với Nguyễn Thị T xử phạt: Lê Hữu G từ 9 đến 12 tháng tù, cho hưởng án treo; Nguyễn Anh H, Lương Văn S, Vi Văn L, Vi Văn A từ 5 đến 8 tháng tù, cho hưởng án treo; Nguyễn Thị T từ 6 đến 8 tháng tù; tổng hợp hình phạt 01 tháng 23 ngày tù của bản án trước buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung; Xử phạt Nguyễn Văn D, Nguyễn Văn T từ 9 đến 12 tháng cải tạo không giam giữ. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với tất cả các bị cáo. Không khấu trừ thu nhập đối với D và T.

Quan điểm bào chữa của người bào chữa cho các bị cáo Lương Văn S, Vi Văn A, Vi Văn L đồng ý với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhưng đề nghị Hội đồng xét xử xem xét các điều kiện sau: Các bị cáo là người dân tộc thiểu số, nhận thức pháp luật hạn chế; các bị cáo đều là dân lao động nông nghiệp tại vùng kinh tế khó khăn để giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo và không phạt bổ sung đối với các bị cáo.

Các bị cáo nhận tội và không tranh luận gì với Đại diện Viện kiểm sát.

Căn cứ vào những chứng cứ và tài liệu đã đ- ọc thẩm tra tại phiên toà hôm nay, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, trên cơ sở xem xét đầy đủ, khách quan và toàn diện các chứng cứ, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Th- ờng Xuân, các bị cáo, và những ng- ời tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định nh- sau:

[1] Qua quá trình điều tra và tại phiên toà hôm nay xác định đ- ọc vào tội ngày 24/10/2017 tại nhà Nguyễn Văn T, trú tại thôn Thôn TL, Thôn 2, xã TT, huyện TX, tỉnh

TH các bị cáo Lê Hữu G, Nguyễn Anh H, Lương Văn S, Vi Văn L, Nguyễn Văn D, Nguyễn Thị T, Vi Văn A đã đánh bạc ăn tiền. Khi đánh bạc các bị cáo thống nhất đánh “xóc đĩa”, hình thức là sử dụng một chiếc đĩa và một chiếc bát bằng sứ thường dùng ăn cơm và cắt bốn quân vị hình tròn bằng vỏ bao thuốc lá có 02 mặt. Khi cầm cái sẽ xóc quân vị trong bát đĩa, người chơi đặt cược bằng tiền hai cửa chẵn, lẻ; mức độ cá cược thấp nhất là 50.000đ và cao nhất là 500.000đ. Các bị cáo đánh bạc từ khoảng 20 giờ đến 21 giờ 30 phút cùng ngày thì bị cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Thường Xuân bắt quả tang gồm các bị cáo: Lê Hữu G, Nguyễn Anh H, Lương Văn S, Vi Văn L, Nguyễn Văn D, Nguyễn Thị T thu giữ tổng số tiền là 14.630.000đ. Trong đó thu trên chiếu bạc là 13.910.000đ; thu trên người các bị cáo gồm Nguyễn Anh H 500.000đ, Nguyễn Thị T 20.000đ, bị cáo Vi Văn A chạy trốn đến ngày 10/11/2017 ra đầu thú khai nhận hành vi phạm tội và giao nộp số tiền 200.000đ mà bị cáo cầm khi bỏ chạy. Các bị cáo đều khai nhận tất cả đã sử dụng số tiền trên để đánh bạc.

Bị cáo Nguyễn Văn T không tham gia đánh bạc xong khi Lê Hữu G gọi điện rủ đánh bạc bị cáo đã cho G và các bị cáo khác dùng nhà mình làm địa điểm tổ chức đánh bạc. Hành vi của bị cáo Nguyễn Văn T là đồng phạm về tội đánh bạc với vai trò là người giúp sức.

Lời khai nhận của các bị cáo tại phiên toà phù hợp với lời khai tr-ớc đây các bị cáo đã khai nhận tại cơ quan điều tra, phù hợp với tang vật chứng thu đ-ợc và các tài liệu, chứng cứ khác phản ánh trong hồ sơ vụ án.

[2] Xét tính chất vụ án: Đây là vụ án thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Tuy nhiên hành vi phạm tội của các bị cáo đã vi phạm trật tự an toàn xã hội, cần phải xử lý nghiêm để lập lại trật tự an toàn xã hội.

[3] Xét hành vi phạm tội của các bị cáo Lê Hữu G, Nguyễn Anh H, Lương Văn S, Vi Văn L, Nguyễn Văn D, Nguyễn Thị T, Vi Văn A đã có hành vi đánh bạc ăn tiền với hình thức đánh “Xóc đĩa” với mức độ sát phạt tối thiểu là 50.000đ, tối đa 500.000đ. Khi bị bắt quả tang số tiền chứng minh dùng vào việc đánh bạc là 14.630.000đ. Trong đó Lê Hữu G là người khởi xướng và cầm cái xóc đĩa, các bị cáo Nguyễn Anh H, Lương Văn S, Vi Văn L, Nguyễn Văn D, Nguyễn Thị T, Vi Văn A là các con bạc; Các bị cáo không có sự bàn bạc, phân công trách nhiệm cụ thể cho nên thuộc trường hợp đồng phạm giản đơn và cùng chịu trách nhiệm hình sự.

[4] Xét về nhân thân các bị cáo: Các bị cáo Lê Hữu G, Nguyễn Anh H, Lương Văn S, Vi Văn L, Nguyễn Văn D, Nguyễn Thị T, Vi Văn A, Nguyễn Văn T đều có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng và đều là nông dân lao động. Bị cáo Nguyễn Thị T tháng 5/2017 bị xử phạt 09 tháng cải tạo không giam giữ về tội “Đánh bạc” theo bản án hình sự số 26/2017/HSST ngày 8/5/2017 của Toà án nhân dân huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hoá chưa chấp hành án xong lại phạm tội tiếp.

[5] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với từng bị cáo:

Tình tiết tăng nặng: Bị cáo Nguyễn Thị T “tái phạm”, quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự năm 1999.

Tình tiết giảm nhẹ: Các bị cáo Lê Hữu G, Nguyễn Anh H, Lương Văn S, Vi Văn L, Nguyễn Văn D, Vi Văn A, Nguyễn Văn T đều “*Phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng*”; Tất cả các bị cáo đều “*thành khẩn khai báo*”; Các tình tiết giảm nhẹ trách

nhiệm hình sự theo quy định tại điểm h, p khoản 1 Điều 46; riêng bị cáo Vi Văn A sau khi bỏ trốn đã tự nguyện đến Công an đầu thú nên được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999.

[6] Với tình chất vụ án, hành vi phạm tội và nhân thân của các bị cáo Hội đồng xét xử xét thấy cần áp dụng pháp luật đối với các bị cáo như sau:

Đối với bị cáo Nguyễn Thị T: Bị cáo T đã tham gia đánh bạc cùng các bị cáo, số tiền tham gia của bị cáo theo khai nhận là 120.000đ nhưng bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự chung với các bị cáo khác và bị cáo đang chấp hành án phạt cải tạo không giam giữ, thời gian bị cáo chấp hành kể từ ngày 4/7/2017. Tính đến ngày phạm tội bị cáo đã chấp hành được 3 tháng 20 ngày; thời gian chấp hành án còn lại là 5 tháng 10 ngày, thời gian còn lại chuyển thành án giam và tổng hợp với hình phạt của bản án mới buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung của cả hai bản án theo quy định tại khoản b khoản 1 Điều 50 và Điều 51 Bộ luật hình sự năm 1999.

Đối với các bị cáo Lê Hữu G, Nguyễn Anh H, Lương Văn S, Vi Văn L, Vi Văn A cùng tham gia đánh bạc, trong đó bị cáo Lê Hữu G là người hành động tích cực nhất cho nên phải chịu trách nhiệm hình sự cao hơn các bị cáo khác. Tuy nhiên các bị cáo đều có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng vì vậy việc cách ly các bị cáo khỏi đời sống xã hội là chưa cần thiết nên áp dụng các quy định của pháp luật xử phạt các bị cáo một mức án nhất định, giao cho chính quyền địa phương nơi cư trú của các bị cáo giám sát, giáo dục là phù hợp.

Đối với Nguyễn Văn D tham gia đánh bạc sau; Nguyễn Văn T không tham gia đánh bạc nhưng cho các bị cáo dùng nhà ở của mình làm địa điểm tổ chức đánh bạc cho nên áp dụng Điều 31 Bộ luật hình sự phạt cải tạo không giam giữ đối với D và T là phù hợp.

Các bị cáo đều không có nghề nghiệp ổn định và là nông dân lao động thuộc các xã nghèo vùng 30a cho nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

Về xử lý vật chứng: Vật chứng vụ án theo biên bản giao nhận vật chứng giữa cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Thường Xuân và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thường Xuân giao nhận ngày 25/01/2018 gồm:

Tiền Việt Nam đồng: 14.630.000đ (Mười bốn triệu, sáu trăm ba mươi ngàn đồng)

- 01 điện thoại di động Nokia màu trắng, đã mờ hết chữ.

- 01 chiếc đĩa tròn bằng sứ trắng, 01 bát sứ màu trắng, 01 chiếc kéo bằng kim loại, 04 quân vị hình tròn có hai mặt, được cắt bằng vỏ bao thuốc là, 01 chiếc chiếu nhựa đã cũ.

Căn cứ Điều 41 Bộ luật hình sự năm 1999 và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự 2015 xử lý như sau: Số tiền dùng vào việc đánh bạc nên tịch thu sung quỹ Nhà nước; 01 điện thoại Nokia của Lê Hữu G dùng để giao dịch địa điểm đánh bạc cho nên tịch thu phát mãi để sung công quỹ nhà nước; Các vật dụng gồm đĩa, bát sứ, kéo, quân cắt và chiếu không còn giá trị sử dụng nên tiêu hủy.

Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Nghị quyết 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 về việc thi hành Bộ luật hình sự số 100/2015/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo luật số 12/2017/QH14.

Căn cứ khoản 1 Điều 248; điểm h, p khoản 1 Điều 46; Điều 20; Điều 53; khoản 1,2 Điều 60 Bộ luật hình sự năm 1999 tuyên bố Lê Hữu G phạm tội « Đánh bạc » ; Xử phạt Lê Hữu G 10 (Mười) tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 20 (hai mươi) tháng. Thời gian thử thách kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo Giao cho Ủy ban nhân dân xã TT, huyện TX, tỉnh TH giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Căn cứ khoản 1 Điều 248; điểm h, p khoản 1 Điều 46; Điều 20; Điều 53; khoản 1,2 Điều 60 Bộ luật hình sự năm 1999 (áp dụng thêm khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự đối với Vi Văn A) tuyên bố Nguyễn Anh H, Vi Văn L, Lương Văn S, Vi Văn A phạm tội « Đánh bạc »; Xử phạt Nguyễn Anh H, Vi Văn L, Lương Văn S, Vi Văn A mỗi bị cáo 05 (năm)tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 12 (mười hai)tháng. Thời gian thử thách kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo Nguyễn Anh H cho Ủy ban nhân dân xã TT, huyện TX, tỉnh TH giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Giao bị cáo Vi Văn Lợi, Lương Văn S, Vi Văn An cho ủy ban nhân dân LT, huyện TX, tỉnh TH giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp các bị cáo thay đổi nơi cư trú thực hiện theo Điều 69 Luật Thi hành án hình sự.

Căn cứ khoản 1 Điều 248; điểm h, p khoản 1 Điều 46; Điều 20; Điều 53; Điều 31 Bộ luật hình sự năm 1999 tuyên bố Nguyễn Văn D, Nguyễn Văn T phạm tội « Đánh bạc »; Xử phạt Nguyễn Văn D, Nguyễn Văn T mỗi bị cáo 12 (Mười hai) tháng cải tạo không giam giữ. Bị cáo Nguyễn Văn D được trừ 09 ngày tạm giữ, quy đổi bằng 27 ngày cải tạo không giam giữ. Thời gian chấp hành án cải tạo không giam giữ của Nguyễn Văn D còn lại là 11(Mười một) tháng 03 (Ba) ngày. Giao bị cáo Nguyễn Văn D, Nguyễn Văn T cho ủy ban nhân dân TT, huyện TX, tỉnh TH giám sát, giáo dục. Thời gian chấp hành án kể từ ngày Ủy ban nhân dân xã TT nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Căn cứ khoản 1 Điều 248; điểm p khoản 1 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48 ; Điều 20; Điều 53; Điều 33 Bộ luật hình sự năm 1999 tuyên bố Nguyễn Thị T phạm tội « Đánh bạc »; Xử phạt Nguyễn Thị T 06 (sáu) tháng tù. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 50; Điều 51 Bộ luật hình sự năm 1999 tổng hợp 5 tháng 10 ngày cải tạo không giam giữ tại bản án số 26/2017/HSST ngày 8/5/2017 của Tòa án nhân dân huyện Thọ Xuân, quy đổi bằng 01 tháng 23 ngày tù. Tổng hợp hình phạt chung của 02 bản án buộc bị cáo Nguyễn Thị T chấp hành là 07 (bảy) tháng 23 (hai mươi ba) ngày tù. Thời gian chấp hành án kể từ ngày bắt giam thi hành án

Xử lý vật chứng:

Áp dụng điểm a khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; khoản 1 Điều 41 Bộ luật hình sự năm 1999:

- Tịch thu sung quỹ nhà nước số tiền 14.630.000đ (Mười bốn triệu, sáu trăm ba mươi ngàn đồng); 01 điện thoại di động Nokia đã cũ.

Tiêu huỷ 01 chiếc đĩa tròn bằng sứ trắng, 01 bát sứ màu trắng, 01 chiếc kéo bằng kim loại, 04 quân vị hình tròn có hai mặt, được cắt bằng vỏ bao thuốc là, 01 chiếc chiếu nhựa đã cũ.

Vật chứng vụ án được mô tả tại biên bản giao nhận vật chứng giữa cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Thường Xuân và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thường Xuân giao nhận ngày 25/01/2018.

Về án phí: Áp dụng Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự 2015, khoản 1 Điều 21; điểm a, khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về “Mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án” buộc Lê Hữu G, Nguyễn Anh H, Lương Văn S, Vi Văn L, Nguyễn Văn D, Nguyễn Thị T, Vi Văn A, Nguyễn Văn T mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí Hình sự sơ thẩm.

□n xử công khai sơ thẩm có mặt các bị cáo. Các bị cáo có quyền kháng cáo trong thời hạn luật định là 15 ngày tròn kể từ ngày 13/03/2018.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Th- ờng Xuân;
- Công an huyện Th- ờng Xuân;
- Chi cục THADS Th- ờng Xuân;
- TAND tỉnh Thanh Hoá;
- Các bị cáo;
- L- u HSVA.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

Nguyễn Thị An